

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Bà Cù Thị Chanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 88/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Mai Hồng Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Mai Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/3/2012. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình nên thường xuyên mắng chửi nhau. Chị T đã chịu đựng để níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng không được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Hồng Q.

Về con chung: Chị T khai chị và anh Q có một con chung, cháu tên là Mai Lê Hà Th, sinh ngày 08/11/2012. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Th và không yêu cầu

anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị T khai chị có thu nhập ổn định hàng tháng từ lương là 5.821.658 đồng.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Hồng Q trình bày: Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/3/2012. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và không quan tâm đến chồng con. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T không nghe. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Mai Hồng Q khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Mai Lê Hà Th, sinh ngày 08/11/2012, hiện tại cháu Th đang ở với anh Q. Nếu vợ chồng ly hôn, anh Q đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Th, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Q giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Mai Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống có sự nghi kỵ và bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi mắng lẫn nhau. Từ tháng 12/2016 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung và quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Q luôn tồn tại mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng không những không hàn gắn được mà còn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Q thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là cháu Mai Lê Hà Th, sinh ngày 08/11/2012. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Th là con chung của chị T và anh Q. Nguyên vọng được nuôi con của chị T và anh Q là chính đáng, thể hiện tinh thần trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, cháu Th còn nhỏ, lại cùng giới tính với mẹ nên giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Th là phù

hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản: Chị Lê Thị T và anh Mai Hồng Q không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Mai Hồng Q.

2. Về con chung: Công nhận chị Lê Thị T và anh Mai Hồng Q có một con chung, cháu tên là Mai Lê Hà Th, sinh ngày 08/11/2012. Giao cháu Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh Q có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004716 ngày 11/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Lê Văn Hồng